

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G1A Đồng khởi, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

Tel : 0613.823187 Fax : 0613.829043

Email : [tienlen\\_metal@hcm.vnn.vn](mailto:tienlen_metal@hcm.vnn.vn) Website : [www.tienlengroup.com.vn](http://www.tienlengroup.com.vn)



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Biên Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2012

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên  
thị trường chứng khoán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

Năm báo cáo: 2011

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

+ Công ty Cổ phần tập đoàn thép Tiền Lên trước đây là Công ty TNHH Tiền Lên, được chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600512830 ngày 18/08/2009 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 29/12/2011;

+ Công ty cổ phần bắt đầu đi vào hoạt động kể từ ngày 01/10/2009.

+ Niêm yết: trên sàn HOSE ngày 16/03/2010.

#### 2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thép (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán, đại lý vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội thất. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí, Sửa chữa máy nông nghiệp (không gia công, sửa chữa tại trụ sở). Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại – dịch vụ, khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Đầu tư kinh doanh cảng, bến bãi, kho bãi, nhà xưởng. Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ (từ nguồn hợp pháp và không chế biến tại trụ sở).

#### 3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: xuất nhập khẩu, sản xuất, cung ứng các mặt hàng thép cuộn, thép tấm, thép hình, tôn mạ màu và phụ kiện, kết cấu thép, các sản phẩm thép qua gia công cho thị trường. Tiếp tục tổ chức sản xuất cắt định hình, chinh phẳng các loại thép cuộn, chủ động chi phối thị trường hiện tại trên cơ sở sản phẩm hiện tại như các sản phẩm thép tiêu chuẩn thông dụng như CT3, SS400, Q235, Q354, INOC. Sản xuất và cán nóng trực tiếp các sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, từng bước cải tiến và nâng cao tỉ lệ nội địa hóa các sản phẩm pha cắt đóng kiện, với chất lượng tương đương hàng chính phẩm của trị trường quốc tế.

+ Kế hoạch đầu tư trung và dài hạn: Mở rộng kinh doanh lĩnh vực cao ốc văn phòng cho thuê, mở rộng kinh doanh hệ thống khách sạn , kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh cảng biển, xây dựng nhà máy sản xuất thép và thiết lập hệ thống Showroom trưng bày và cung cấp các loại ô tô lắp ráp trong nước và nhập khẩu theo kế hoạch và mục tiêu đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Những đánh giá tổng quát về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2011:

Năm 2011, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn, thách thức do tác động của cơn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu của năm 2010. bên cạnh đó thiên tai, dịch bệnh xảy ra liên tiếp trên địa bàn cả nước cũng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống của nhân dân.

Tuy nhiên trong năm qua, nhờ vào giải pháp kích cầu chống suy giảm kinh tế của chính phủ, kinh tế cả nước đã đạt được những kết quả đáng khích lệ theo đó : Lạm phát được kiềm chế, chỉ số giá cả tiêu dùng tăng 12%; tình hình chính trị, xã hội an ninh được ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2011 tăng 8.5% vượt mục tiêu kế hoạch, đại đa số doanh nghiệp trong cả nước vượt qua được khó khăn.

Hoạt động của tập đoàn Tiên Lên trong năm qua cũng gặp một số khó khăn nhất định như biến động của tỷ giá ngoại tệ, nguồn ngoại tệ để thanh toán khi L/C đến hạn, một số doanh nghiệp trong ngành sắt thép do áp lực đáo hạn đã bán phá giá, các công trình xây dựng cơ bản thi công trong kế hoạch bị cắt giảm.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 30/04/2011, HĐQT đã triển khai chương trình, nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2011 với sự cố gắng của Ban điều hành và tập thể cán bộ, nhân viên, Công ty đã triển khai tổ chức kinh doanh có hiệu quả, thể hiện ở các chỉ tiêu chính như sau :

Chỉ tiêu	Năm 2011
- Doanh thu ( Tỷ đồng ) :	2.963 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế ( Tỷ đồng ) :	36 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế ( Tỷ đồng ) :	27,47 tỷ đồng
- Lợi nhuận trên cổ phiếu ( đồng/cp ):	480 đồng/cổ phần
- Thu nhập bình quân CNV ( đồng/người/tháng ) :	5.328.000 đồng

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch): theo điểm 2 của mục III (Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc).

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...):

- **Dự án khu dân cư Thương mại An Phước 8.36 Ha tại xã An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai ( giá trị 54,90 tỷ đồng)** trong năm đã thực hiện được những công việc sau :

- + Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tháng 07 năm 2010.
- + Ký hợp đồng Tư vấn lập quy hoạch sử dụng đất 1/500 tháng 08 năm 2010.

+ Ký hợp đồng Tư vấn kiến trúc Khu Đô thị Thương mại và xin cấp phép xây dựng tháng 09 năm 2010.

+ Xây dựng xong cơ sở hạ tầng khu Thương mại 1,2 ha như tường rào, công nước, bờ kè, lu nền, trải đá, xây dựng trạm điện, trạm cân 60 tấn.

Hiện nay hệ thống chi nhánh thương mại thi đã đi vào hoạt động đang đóng góp vào doanh thu chung của toàn công ty.

Riêng về sản phẩm đất nền nhà phố liên kế, do chưa thuận lợi từ thị trường vốn và thị trường bất động sản do vậy Công ty mới chi thi công một số hạng mục hạ tầng cơ bản và đang xin điều chỉnh lại quy hoạch cho phù hợp với định hướng đô thị mới.

+ Tổng giá trị giải ngân cho toàn bộ dự án là 71,12 tỷ trong đó năm 2011 là 9,60 tỷ đồng.

+ Nguyên nhân chính của việc chậm trễ trên là do tình hình kinh doanh thị trường bất động sản đang trong giai đoạn trầm lắng, các ngân hàng thương mại hạn chế cho vay do vậy Hội đồng quản trị quyết định tạm dừng triển khai dự án chờ tín hiệu của thị trường .

**Dự án Cao ốc văn phòng G4A (10 tầng) G4A Đồng Khởi KP4,Tân Hiệp, Tp.Biên Hòa , qui mô xây dựng: tòa nhà cao 10 tầng và 01 tầng hầm trên diện tích 319m2; diện tích sàn xây dựng 5.945m2; Sản phẩm: văn phòng cho thuê; Thời gian thực hiện: 02 năm. ; Tổng vốn đầu tư 24 tỷ đồng. Trong năm thực hiện được những công việc sau :**

+ Nhà thầu xây lắp đã hoàn thành 100% công tác xây thô và đang trong giai đoạn hoàn thiện, lắp đặt trang thiết bị . Giá trị giải ngân đến năm 2011 cho dự án là: 11,94 tỷ đồng đạt 49,75%.

Dự án Nhà xưởng mở rộng Cty TNHH sản xuất – Thương mại Đại Phúc; Thời hạn thuê là : 37 năm ; Phương thức thanh toán : Trả tiền thuê đất 1 lần ( giá trị 36,20 tỷ đồng); Trong năm thực hiện được những công việc sau :

+ Hoàn thành 95% công tác xây dựng nhà xưởng trị giá xây lắp gần 10 tỷ đồng và đã đưa vào sử dụng, riêng phần nền nhà xưởng do nền đất và triều cường chưa ổn định do vậy hiện đã đổ cát, đá san lấp.

**Dự án xây dựng Nhà máy Thép Bắc Nam Quy mô: 300.000 tấn/năm ; Sản phẩm: thép hình U, I, V, H...; Vốn đầu tư năm 2011: 179,5 tỷ đồng ; Trong năm thực hiện được những công việc sau :**

+ Hoàn thành công tác lắp ráp hạng mục máy móc, thiết bị; Nguyên vật liệu dự trữ cho sản xuất đã chuẩn bị sẵn sàng.

Theo kế hoạch 2012 thì Nhà máy Thép Bắc Nam dự kiến đi vào hoạt động sản xuất vào Quý III năm 2012 cũng là nguồn đóng góp đáng kể cho kế hoạch lợi nhuận của năm 2012.

- Mua 7.300 cổ phiếu GMC - Công ty CP SX TM May Sài Gòn (trị giá 218 triệu đồng) với giá bình quân 29.929 đồng/cổ phiếu.

- Mua 10.000 cổ phiếu PGC - Công ty CP Gas Petrolimex ( Trị giá 254 triệu đồng) với giá bình quân 25.425 đồng/cổ phiếu.

- Mua 30.000 cổ phiếu CIC – Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng COTEC (trị giá 518 triệu đồng) với giá bình quân 17.289 đồng/cổ phiếu.

#### + Đầu tư tài chính ngắn hạn :

- Mua 40.000 cổ phiếu VID – Công ty CP Đầu tư-Phát triển-Thương mại Viễn Đông (*tri giá 556 triệu đồng*) với giá bình quân 13.901 đồng/cổ phiếu.
- Mua 70.000 cổ phiếu BKC - Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn (*tri giá 1,93 tỷ đồng*) với giá bình quân 27.618 đồng/cổ phiếu.
- Mua 75.000 cổ phiếu BKC - Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ (*tri giá 2,06 tỷ đồng*) với giá bình quân 27.560 đồng/cổ phiếu.
- Mua 72.100 cổ phiếu KKC - Công Ty CP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí (*tri giá 2,63 tỷ đồng*) với giá bình quân 36.480 đồng/cổ phiếu.
- Mua 159.610 cổ phiếu MCG - Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (*tri giá 3,39 tỷ đồng*) với giá bình quân 21.234 đồng/cổ phiếu.
- Mua 4.298.200 cổ phiếu SHS - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội (*tri giá 7,22 tỷ đồng*) với giá bình quân 15.554 đồng/cổ phiếu.
- Mua 4.959.710 cổ phiếu PHT - Công ty CP Công Ty CP SX SX TM Phúc Tiến (*tri giá 139,29 tỷ đồng*) với giá bình quân 28.084 đồng/cổ phiếu.

#### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Mở rộng kinh doanh mặt hàng thép hình, thép tấm và thép góc, tạo thị trường ổn định cho Nhà máy thép Bắc Nam khi đi vào sản xuất chính thức. Tiếp tục thực hiện các dự án đang thực hiện như dự án lô 3-5 đường 3KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM ; Dự án đầu tư dây chuyền máy chỉnh phẳng cắt ngang 3.2->3.5mm x 1850mm;

#### 5. Những công việc chưa hoàn thành:

- Dự án khu dân cư Thương mại An Phước : Tạm dừng triển khai chờ tín hiệu tốt của thị trường BDS.
- Dự án nhà máy thép Bắc Nam : Tiếp tục hiệu chỉnh công tác lắp đặt thiết bị, hệ thống điện và sớm đưa nhà máy vào hoạt động, dự kiến nhà máy sẽ cung cấp sản phẩm cho thị trường vào đầu Quý 3 năm 2012.
- Dự án đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng : Tiếp tục triển khai công tác giám sát công tác xây dựng của Nhà thầu đảm bảo công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước tháng 08/2012. Thực hiện công tác Marketing vào tháng 03/2012 sau khi thực hiện xong công tác xây thô.
- Dự án Nhà xưởng mở rộng Cty TNHH sản xuất – Thương mại Đại Phúc : Tiếp tục công tác xây dựng phần nền, sân bãi nhà xưởng .

#### 6/ Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2011-2012:

- Về công tác kinh doanh: Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông đề ra , hiệu quả kinh doanh của tập đoàn có mức tăng trưởng tốt.Công ty đã nỗ lực rất nhiều trong việc sử dụng vốn có hiệu quả nhằm mục tiêu thu tối đa lợi nhuận. Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của tập đoàn đều hoạt động ổn định đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tầm nhìn đến năm 2020. Đảm bảo tài chính của tập đoàn lành mạnh ; điều phối và bố trí vốn kịp thời cho các dự án đầu tư và vốn lưu động cho toàn tập đoàn.

- Về công tác đầu tư: Đã đầu tư đúng định hướng, mua được những khu đất có vị trí đắc địa, thuận lợi phục vụ công tác kinh doanh trước mắt cũng như lâu dài, góp phần làm tăng giá trị tài sản của Công ty, từ đó bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh;

- Về công tác quản lý: Ban hành một số quy chế làm việc, về nội quy lao động, bảo mật, về tiền lương, tiền thưởng, tuyển dụng. Năm 2011 toàn bộ tập đoàn thực hiện mang thẻ, chấm công qua máy, theo dõi nhân công, quản lý giờ công một cách khoa học hơn. Sắp xếp lại bộ máy gọn nhẹ sau khi cổ phần, tinh giảm lao động các phòng ban, đơn vị gián tiếp, tiết kiệm được chi phí quản lý cho công ty, góp phần hạ giá thành sản phẩm. Công tác hành chính văn thư lưu trữ hồ sơ công nhân được bổ sung đầy đủ theo quy định. Thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tập đoàn trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy và huấn luyện theo định kỳ của công ty và theo địa bàn địa phương nơi công ty mẹ và công ty con đóng trụ sở.

- Các mặt công tác khác: Tạo công ăn việc làm cho gần 400 công nhân viên, thu nhập năm sau cao hơn năm trước. Lương bình quân 2011 của CNV là 5.328.000/người/tháng. Tập đoàn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương thưởng, nghỉ việc và các quy định của nhà nước để đảm bảo quyền lợi của người lao động.

#### \* **Những mặt tồn tại và hạn chế trong nhiệm kỳ qua:**

- Về việc triển khai các dự án đầu tư còn chậm, mặc dù có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả chung của tập đoàn.

- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa có một kế hoạch tổng thể lâu dài phục vụ cho yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của tập đoàn .

- Về lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tương đối cao, nhưng khả năng thanh toán nhanh còn thấp do vậy việc đáp ứng nguồn vốn còn gặp khó khăn.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2011**

Tình hình tài chính trong tập đoàn nhìn chung đảm bảo, cơ cấu nguồn vốn tương đối hợp lý đảm bảo tốt nhu cầu thanh toán, trong các lĩnh vực kinh doanh đều kiểm soát được các rủi ro, định liệu được các khả năng có thể xảy ra, thông qua việc trích lập các khoản dự phòng theo quy định và xử lý các khoản vay ngoại tệ bằng việc chuyển đổi sang vay VND, mua ngoại tệ kỳ hạn đáp ứng kịp thời, liên tục cho nhập khẩu hàng hóa..

Tình hình cân đối tài chính tốt, đảm bảo về nguồn vốn kinh doanh của tập đoàn . Tổng nguồn vốn dài hạn của tập đoàn đủ đảm bảo cho tài sản dài hạn, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu vốn đầu tư vào các dự án đã được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

Qua đánh giá ta thấy khả năng thanh toán nhanh của tập đoàn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao thông qua các chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế và sau thuế trên tổng vốn điều lệ.

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước 2010	Kỳ báo cáo 2011
<b>I</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	"	20,08%	24,35%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	"	79,92%	75,65%
<b>II</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	"	54,05%	49,90%
2	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	"	45,25%	49,08%
<b>III</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	lần		
1	Khả năng thanh toán nhanh (Tiền # tiền/Nợ ngắn hạn)	"	0,03	0,38
2	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	"	1,50	1,53
<b>IV</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%		
1	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	"	3,23%	1,69%
2	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	"	1,91%	0,85%
3	Tỷ suất LNST/Nguồn vốn CSH	"	7,14%	3,44%

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

+ Giá cả thị trường thép thế giới tăng giảm thất thường đã tác động bất lợi đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của tập đoàn Tiền Lên;

+ Chính sách thắt chặt tín dụng giảm đầu tư công trong năm 2011 làm ảnh hưởng đến lượng hàng tiêu thụ của tập đoàn Tiền Lên và có thời điểm tỷ giá ngoại tệ (USD) biến động mạnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh đối với các lô hàng nhập khẩu;

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: tổng tài sản 1.500.529.160.105 đồng;

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không

+ Vốn cổ đông từ phát hành thêm cổ phiếu và chia cổ tức bằng cổ phiếu :

- Tổng số cổ phiếu bán ra công chúng : 57.706.814 cổ phiếu, trong đó:

+ Số lượng cổ phiếu quy theo từng loại : 4.950.930 cổ phiếu

+ Số cổ phiếu đang lưu hành: 52.755.884 cổ phiếu

➤ Cổ phiếu phổ thông: 52.755.884 cổ phiếu

➤ Cổ phiếu thường: Không

➤ Cổ phiếu ưu đãi : Không

+ Số lượng cổ phiếu dự trữ : Không

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi): Không

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: tỷ lệ cổ tức: 9%

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 2.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011

Các chỉ tiêu kinh tế	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2011
1	2	3
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	2.962
2. Giá vốn hàng bán	"	2.674
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	288
4. Doanh thu hoạt động tài chính	"	22
5. Chi phí tài chính	"	223
- Trong đó: Chi phí lãi vay	"	75
6. Chi phí bán hàng	"	25
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	30
8 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	"	32
9. Thu nhập khác	"	6
10. Chi phí khác	"	2
11. Lợi nhuận khác	"	4
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	"	36
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	"	10
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	"	1
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	"	27
16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	"	2
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	"	25
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	Đồng/CP	480

### 2.2. Phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	DVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ hoàn thành	
					Năm 2010	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2,582.00	2,207.35	111.24%	85.49%
	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	'	2,500.00	2,127.85	112.42%	85.11%
	Doanh thu hoạt động tài chính	'	75.00	73.97	82.99%	98.63%
	Doanh thu khác	'	7.00	5.53	228.51%	79.00%
2	Tổng chi phí	'	2,455.00	2,178.89	114.87%	88.75%
	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	'	2,220.00	1,951.20		
	Chi phí tài chính	'	195.00	192.16		
	Chi phí bán hàng	'	15.00	13.58		

	Chi phí quản lý doanh nghiệp	'	23.00	20.14		
	Chi phí khác	'	2.00	1.81		
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	'	<b>127.00</b>	<b>28.46</b>	<b>32.56%</b>	<b>22.41%</b>
<b>4</b>	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại</b>	'	31.75			
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	'	95.25	28.46	34.15%	29.88%
<b>6</b>	<b>Vốn điều lệ bình quân năm (VDL)</b>	'	577.00	577.00	103.31%	100.00%
<b>7</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VDL</b>	%	22.01%	4.93%	31.52%	22.41%
<b>8</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VDL</b>	%	16.51%	4.93%	33.06%	29.88%

**a) Phân tích chỉ tiêu doanh thu :**

Tổng doanh thu năm 2011 thực hiện 2.207,35 tỷ đồng đạt 85,49% so với kế hoạch, tăng 11,24% so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết cụ thể như sau :

**Về lĩnh vực hoạt động :**

**+ Kinh doanh thương mại :**

Doanh thu thực hiện 2.127,85 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 96.40% doanh thu, đạt 85,11% kế hoạch, tăng 12,42% so với cùng kỳ năm trước;

**+ Doanh thu hoạt động tài chính :**

Doanh thu thực hiện 73,97 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 3,35% doanh thu, đạt 98,63% kế hoạch ; giảm 17,01% so với cùng kỳ năm trước;

**+ Doanh thu khác :**

Doanh thu thực hiện 5,53 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,25% doanh thu, đạt 79,04% kế hoạch, tăng 128,51% so với cùng kỳ năm trước;

**b) Chỉ tiêu lợi nhuận :**

- Lợi nhuận trước thuế năm 2011 là 28,46 tỷ đồng đạt 22,41% kế hoạch năm và giảm 67,44% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2011 là 28,46 tỷ đồng đạt 29,88% kế hoạch năm và giảm 65,85% so với cùng kỳ năm trước.

**c) Tỷ suất lợi nhuận so với vốn điều lệ bình quân :**

- Lợi nhuận trước thuế : đạt 4,93% trên vốn điều lệ , đạt 22,41% kế hoạch năm và giảm 9,11% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế : đạt 4,93% trên vốn điều lệ , đạt 29,88% kế hoạch năm và giảm 3,18% so với cùng kỳ năm trước.

### 2.3/. Phân tích hoạt động của công ty con :

#### 2.3.1/ Công ty TNHH thép Tây Nguyên :

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	DVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ hoàn thành
1	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>1,103.50</b>	<b>1,054.40</b>	<b>119.21%</b>
	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	'	1,100.00	1,052.11	119.27%
	Doanh thu hoạt động tài chính	'	2.50	1.66	221.33%
	Doanh thu khác	'	1.00	0.63	39.13%
2	<b>Tổng chi phí</b>	'	<b>1,091.20</b>	<b>1,044.89</b>	<b>120.81%</b>
	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	'	1,065.00	1,019.90	
	Chi phí tài chính	'	19.00	17.28	
	Chi phí bán hàng	'	3.70	3.46	
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	'	3.00	3.94	
	Chi phí khác	'	0.50	0.31	
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	'	<b>12.30</b>	<b>9.51</b>	<b>48.62%</b>
4	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại</b>	'	3.07	0.87	
5	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	'	9.22	8.64	56.62%
6	<b>Vốn điều lệ bình quân năm ( VDL )</b>	'	161.00	161.00	100.00%
7	<b>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VDL</b>	%	7.64%	5.91%	48.62%
8	<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VDL</b>	%	5.73%	5.37%	56.62%

#### a) Phân tích chỉ tiêu doanh thu :

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất thép góc , thép hình chữ U kích cỡ từ 50mm – 130mm; Gia công sản xuất thép tấm có độ dày từ 3mm -> 30mm;

Vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 161 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 156,73 tỷ chiếm 97,35%.

Tổng doanh thu năm 2011 thực hiện 1.054,40 tỷ đồng, đạt 95,55% so với kế hoạch, tăng 19,21% so với cùng kỳ năm trước.

#### b) Chỉ tiêu lợi nhuận :

- Lợi nhuận trước thuế năm 2011 là 9,51 tỷ đồng đạt 77,32% kế hoạch năm và giảm 51,38% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2011 là 8,64 tỷ đồng đạt 93,66% kế hoạch năm và giảm 43,38% so với cùng kỳ năm trước.

**c) Tỷ suất lợi nhuận so với vốn điều lệ bình quân :**

- Lợi nhuận trước thuế : đạt 5,91% trên vốn điều lệ, đạt 77,32% kế hoạch năm và giảm 6,24% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế : đạt 5,37% trên vốn điều lệ, đạt 93,66% kế hoạch năm và giảm 4,11% so với cùng kỳ năm trước.

**2.3.2/ Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Phúc :**

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ hoàn thành
1	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>1,710.00</b>	<b>1,598.86</b>	<b>144.05%</b>
	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	'	1,700.00	1,590.26	
	Doanh thu hoạt động tài chính	'	9.00	8.47	
	Doanh thu khác	'	1.00	0.13	
2	<b>Tổng chi phí</b>	'	<b>1,652.00</b>	<b>1,543.90</b>	<b>143.04%</b>
	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	'	1,620.00	1,508.30	95.29%
	Chi phí tài chính	'	20.00	21.87	222.22%
	Chi phí bán hàng	'	7.00	7.75	0.41%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	'	5.00	5.84	0.29%
	Chi phí khác	'		0.14	0.00%
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	'	<b>58.00</b>	<b>54.96</b>	<b>179.90%</b>
4	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại</b>	'	16.24	8.71	109.84%
5	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	'	41.76	46.25	204.47%
6	<b>Vốn điều lệ bình quân năm (VĐL)</b>	'	120.00	120.00	100.00%
7	<b>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL</b>	%	48.33%	45.80%	179.90%
8	<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL</b>	%	34.80%	38.54%	204.47%

**a) Phân tích chỉ tiêu doanh thu :**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là gia công sản xuất thép tấm có độ dày từ 3mm -> 12mm; Buôn bán thép hình, thép tấm và thép cuộn

Vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 120 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 115 tỷ chiếm 95,83%.

Tổng doanh thu năm 2011 thực hiện 1.598,86 tỷ đồng, đạt 93,50% so với kế hoạch, tăng 50,55 % so với cùng kỳ năm trước.

**b) Chỉ tiêu lợi nhuận :**

- Lợi nhuận trước thuế năm 2011 là 54,96 tỷ đồng đạt 94,76% kế hoạch năm và tăng 79,90% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2011 là 46,25 tỷ đồng đạt 110,75% kế hoạch năm và tăng 104,47% so với cùng kỳ năm trước.

**c) Tỷ suất lợi nhuận so với vốn điều lệ bình quân :**

- Lợi nhuận trước thuế : đạt 45,80% trên vốn điều lệ , đạt 94,76% kế hoạch năm và tăng 79,90% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế : đạt 38,54% trên vốn điều lệ , đạt 110,75% kế hoạch năm và tăng 104,47% so với cùng kỳ năm trước.

**2.4/ Phân tích hoạt động của công ty liên kết :**

**2.4.1/ Công ty cổ phần thép Bắc Nam :**

Vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 345 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 158 tỷ đồng chiếm 46%. Hiện nay công ty đang trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị dự kiến Quý 2/2012 sẽ chạy thử và Quý 3/2012 sẽ cho sản phẩm thương mại đầu tiên. Tới thời điểm hiện tại Công ty CP thép Bắc Nam chưa có Báo cáo kiểm toán do đang trong giai đoạn đầu tư, vậy các sự kiện phát sinh của năm 2011 đối với công ty liên kết sẽ được báo cáo cùng báo cáo của tập đoàn năm 2011.

**3. Báo cáo kết quả đầu tư :**

Việc triển khai kế hoạch đầu tư của tập đoàn trong năm qua chủ yếu ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án đầu tư bất động sản và mở rộng nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc.

**3.1 Giá trị thực hiện trong năm 2011:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Số T T	Danh mục	Tổng giá trị đầu tư	Tiến độ giai ngan năm 2011	Ghi chú
A	<b>Đầu tư đã khởi công</b>			
1	Dự án đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê G4A Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa	23,89	11,94	Chuyển sang giai đoạn hoàn thiện, lắp đặt trang thiết bị
2	Mua đất giá khu đất 8.36 Ha tại xã An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	137,92	71,12	Xin phê duyệt quy hoạch 1/500; Đã thi công xong hạng mục san lấp mặt bằng toàn

				khu, làm hàng rào, xây dựng trạm điện, cổng hộp, xây dựng trạm cân;
3	Thuê đất tại lô số 3-5 đường số 3 KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh để đầu tư dự án Nhà xưởng mở rộng Cty TNHH sản xuất – Thương mại Đại Phúc;	87,72	47,86	Thi công xong 2 nhà xưởng đã đưa vào sử dụng còn lại phần nền nhà xưởng và sân bãi chờ hệ số lún ổn định thì tiếp tục trải thảm bê tông nhựa nóng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>249,53</b>	<b>130,92</b>	

### **3.2 Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCD và HĐQT:**

#### **3.2.1 Đầu tư :**

Tại kỳ hoạt động năm 2011, Hội đồng quản trị đã tiến hành 9 phiên họp thường kỳ như sau :

**Phiên thứ nhất :** Hủy phương án xử lý số cổ phiếu lẻ do trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/06/2010 của Hội đồng quản trị Công ty CP tập đoàn thép Tiên Lên.

**Phiên thứ hai :** Chấp thuận cho ông Nguyễn Quang Vinh từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tập đoàn thép Tiên Lên kể từ ngày 01/04/2011 vì lý do cá nhân.

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị sẽ xin ý kiến đại hội đồng cổ đông vào ngày 30/04/2011

**Phiên thứ ba :** Đăng ký mua : 5.000.000 cổ phần ( năm triệu cổ phần ) tương đương 8,66 % số lượng cổ phiếu đã phát hành;

Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch : 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch thành công ( dự kiến ) : 5.000.000 cổ phiếu tương đương 8,66 % số lượng cổ phiếu đã phát hành;

Mục đích : ổn định giá giao dịch cổ phiếu

**Phiên thứ tư :** Chi trả cổ tức năm 2010 cho các cổ đông 10%/mệnh giá (1.000 đồng/cổ phiếu)

**Phiên thứ năm :** Thông qua việc giải tỏa hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu của Cán bộ chủ chốt đã mua trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn tháng 11/2009 và đợt phát hành thêm theo nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐQT Ngày 27/10/2010 của Hội đồng quản trị

**Phiên thứ sáu :** Đăng ký mua thêm 2.000.000 cổ phần ( Hai triệu cổ phần ) tương đương 3,47 % số lượng cổ phiếu đã phát hành;

Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch : 3.750.930 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch thành công ( dự kiến ) : 5.750.930 cổ phiếu tương đương 9,96 % số lượng cổ phiếu đã phát hành;

Mục đích : ổn định giá giao dịch cổ phiếu .

**Phiên thứ bảy :** Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

Thông nhất kế hoạch chi trả cổ tức năm 2011 là 10% bằng tiền mặt trên mệnh giá cổ phần. Thời điểm chi trả là sau khi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

**Phiên thứ tám :** Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc công ty cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên đối với ông Nguyễn Anh Hùng kể từ ngày 31/10/2011 để nhận nhiệm vụ mới theo sự phân công của Hội đồng quản trị

**Phiên thứ chín :** Đăng ký mua thêm 800.000 cổ phần ( Tám trăm ngàn cổ phần ) tương đương 1,40 % số lượng cổ phiếu đã phát hành;

Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch : 4.950.930 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch thành công ( dự kiến ) : 5.750.930 cổ phiếu tương đương 9,96 % số lượng cổ phiếu đã phát hành;

Mục đích : ổn định giá giao dịch cổ phiếu .

### **3.2.2 Tình hình tài chính :**

Tình hình tài chính trong tập đoàn nhìn chung đảm bảo, cơ cấu nguồn vốn tương đối hợp lý đảm bảo tốt nhu cầu thanh toán, trong các lĩnh vực kinh doanh đều kiểm soát được các rủi ro, định liệu được các khả năng có thể xảy ra, thông qua việc trích lập các khoản dự phòng theo quy định và xử lý các khoản vay ngoại tệ bằng việc chuyển đổi sang vay VND, mua ngoại tệ kỳ hạn đáp ứng kịp thời, liên tục cho nhập khẩu hàng hóa..

Tình hình cân đối tài chính tốt, đảm bảo về nguồn vốn kinh doanh của tập đoàn . Tổng nguồn vốn dài hạn của tập đoàn đủ đảm bảo cho tài sản dài hạn, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu vốn đầu tư vào các dự án đã được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

### **4. Những công việc chưa hoàn thành:**

- Việc áp dụng Quy chế quản lý của công ty có lúc, có nơi chưa triệt để ;

- Việc ban hành quyết định đối khi chưa đúng trình tự thủ tục

- Chất lượng đội ngũ cán bộ và lao động nhìn chung chưa được cải thiện đáng kể, chưa đáp ứng được yêu cầu trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

### **5. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

- Những cải tiến về tổ chức điều hành: đã đề ra nhiều giải pháp quản lý hữu hiệu; cải tiến nhiều quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9002 phiên bản 2009; thực hiện quản trị doanh nghiệp đồng bộ trên nhiều mặt, làm tăng tính minh bạch và hiệu quả;

- Các biện pháp kiểm soát: tăng cường công tác quản lý các mặt thông qua công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất; quản lý vốn, quản lý công nợ thông qua chế độ báo cáo và kiểm tra, đánh giá từng khoản nợ và yêu cầu xác nhận nợ định kỳ, nhằm đôn đốc thu nợ đến hạn; kiểm soát chi phí theo từng phương án kinh doanh góp phần tăng hiệu quả kinh doanh;

## 6. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Theo như chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ trương quy hoạch phát triển nhà ở xã hội trong thời gian tới, nhu cầu thép gia tăng do nhiều công trình xây dựng hạ tầng cơ sở được thực hiện, ngành thép trong tương lai hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển. Năm bắt được vấn đề này, công ty đã có những chiến lược phát triển cụ thể, vững chắc phù hợp với định hướng của Nhà nước trong giai đoạn tiếp theo.

- Công ty luôn cố gắng giữ vững mức tăng trưởng của doanh thu thuần, tăng sản lượng cung cấp cho thị trường để có thể tăng sản lượng nhập khẩu theo từng năm.

- Định hướng cơ bản của Công ty vẫn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống của công ty là: xuất nhập khẩu, sản xuất, cung ứng các mặt hàng thép cuộn, thép tấm, thép hình, tôn mạ màu và phụ kiện, kết cấu thép, các sản phẩm thép qua giao công cho thị trường.

- Việc triển khai đầu tư cho dự án đã có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, nhưng do trong các kỳ hoạt động vừa qua nền kinh tế thị trường và tình hình tài chính diễn biến theo chiều hướng xấu, do vậy tiến độ thực hiện bị chậm lại. Trong năm 2012 công ty vẫn tiếp tục bám sát thực hiện những dự án sau :

+ Dự án Cao ốc Văn phòng tại G4A Đồng Khởi, Tp.Biên Hòa; Nhiệm vụ năm 2012 là tiếp tục giám sát chất lượng công trình khi đang trong giai đoạn hoàn thiện, lên kế hoạch khai thác khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng vào Quý 3 năm 2012.

+ Dự án Khu thương mại đô thị An Phước 8,3 ha; Nhiệm vụ năm 2012 là tập trung phát triển thị trường khu công nghiệp Tam Phước, Long Thành, Nhơn Trạch, Mỹ Xuân để bổ sung nguồn tăng doanh thu năm 2012.

+ Dự án Nhà máy thép Bắc Nam; Nhiệm vụ năm 2012 Giám sát công tác lắp máy của nhà thầu Nước ngoài; Chuyển giao công nghệ; Tuyển dụng và đào tạo công nhân lành nghề phục vụ cho nhà máy vận hành; Cơ cấu vốn lưu động nhập phôi chuẩn bị cho sản xuất.

+ Dự án nhà xưởng Đại Phúc; Nhiệm vụ năm 2012 là tiếp tục hoàn thiện công tác nền nhà xưởng, sân bãi và lắp máy; Tổ chức nguồn vốn đảm bảo khai thác hết công suất của nhà máy để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh 2012 và các năm tiếp theo.

+ Về kế hoạch mở rộng đầu tư theo định hướng của ngành nghề hoạt động, nghiên cứu thêm lĩnh vực khai thác mỏ quặng và luyện gang thép để cung cấp nội lực và bổ xung hoàn thiện năng lực kinh doanh;

- Phân tích mục đích, nhu cầu sử dụng cụ thể cho từng đối tượng khách hàng, từng phân khúc thị trường; khoanh vùng và định vị sản phẩm tại các khu vực tiêu thụ theo thị phần và doanh số bán; khai thác triệt để nhóm vật tư hàng hóa độc quyền mà trong nước chưa có được như các danh mục thép hình cỡ lớn, thép tấm các loại tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức phân phối tất cả các chủng loại thép cho các vùng theo phương

thức sản xuất trực tiếp theo nhu cầu của khách hàng mọi lúc, mọi nơi.

- Không ngừng tìm kiếm lựa chọn các nhà cung cấp đầu vào trên thế giới để có sản phẩm hoàn hảo về chất lượng và phù hợp về giá cả. Ngoài ra, Công ty có kế hoạch mở rộng phạm vi địa bàn cung cấp, củng cố bồi sung danh mục sản phẩm để có thể bám sát nhu cầu khách hàng hơn. Đồng thời, Tiến Lên cũng tham gia các hội chợ Thương mại công nghiệp để quảng bá sản phẩm, quảng bá hình ảnh Công ty trước công chúng với mục tiêu trở thành nhà bán buôn và bán lẻ thương mại kim khí chuyên nghiệp, luôn duy trì vững chắc địa vị, uy tín của Công ty trên thị trường.

## 7. Kế hoạch năm 2012:

### 7.1 Kế hoạch kinh doanh:

- |                              |                      |
|------------------------------|----------------------|
| - Tổng doanh thu:            | 3.500,00 tỷ đồng;    |
| - Giá vốn hàng bán :         | 3.052,68 tỷ đồng;    |
| - Lợi nhuận gộp:             | 447,32 tỷ đồng;      |
| - Lợi nhuận trước thuế:      | 141,55 tỷ đồng;      |
| - Lợi nhuận sau thuế:        | 106,16 tỷ đồng;      |
| - Dự kiến chi trả cổ tức :   | 15%                  |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu : | 1.904 đồng/cổ phiếu; |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xem xét, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2012 (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và thông báo đến các cổ đông kế hoạch điều chỉnh qua Website của công ty;

### Nhận định tình hình năm 2012:

- Tình hình kinh tế thế giới năm 2012 dự báo có nhiều tín hiệu khởi sắc, kinh tế của hầu hết các quốc gia đã dần vượt qua suy thoái, nhu cầu nhìn chung dần hồi phục. Tuy nhiên đối với thị trường thép thế giới và trong nước vẫn tiềm ẩn những biến động bất thường và xu hướng cung vượt cầu vẫn đang chi phối; các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép đang chịu sự cạnh tranh rất lớn từ thép thành phẩm được nhập khẩu từ các nước ASEAN và Đông Á với giá cạnh tranh;

- Các chính sách về tiền tệ, lãi suất, tỷ giá và kinh tế vĩ mô nói chung vẫn tiềm ẩn những diễn biến bất lợi, đặc biệt chính sách hạn chế tín dụng vào năm 2011 và đầu năm 2012 sẽ tác động không thuận lợi đến việc tiêu thụ thép trong năm 2012 mặc dù NHNN Việt Nam đã hai lần điều chỉnh lãi suất trần cho vay để cứu doanh nghiệp;

- Cạnh tranh ngành thép trong nước ngày càng gay gắt hơn do có nhiều Nhà máy đưa sản phẩm vào thị trường; mặt khác một số nhà thầu xây dựng lớn trong nước đã và đang xây dựng nhà máy sản xuất thép và cung ứng thép trực tiếp cho công trình của họ, ảnh hưởng đến thị phần của Công ty. Vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2012 sẽ phải vượt qua nhiều thách thức.

### Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch:

#### \* Về công tác kinh doanh:

- Tiếp tục tổ chức phân bổ nguồn lực cho các đơn vị cơ sở, đẩy mạnh công tác phát triển các nhóm nghành phụ trợ, đa dạng hóa nghành nghề hoạt động, đa dạng

hoá các sản phẩm phân phối cho thị trường để nâng cao doanh thu nhằm đảm bảo tiêu chí và quy luật tăng trưởng an toàn.

- Điều tiết lại lĩnh vực sản xuất, thống kê lại thực trạng thiết bị máy móc, đánh giá lại hiệu quả của các công tác đầu tư trên từng hạng mục, đánh giá lại hiệu quả của các nghành nghề hoạt động, đánh giá lại thực tế hoạt động của các đơn vị cơ sở, nhằm đề ra các phương án xử lý hữu hiệu nhất.

- Tăng cường thêm các nhiệm vụ kinh doanh cho các đơn vị cơ sở, mở rộng và tổ chức đầu tư thêm lĩnh vực khai thác mỏ quặng và liên hiệp luyện gang thép để cung cấp nội lực và bồi xung hoàn thiện năng lực kinh doanh.

- Chuẩn bị mọi nguồn lực để phát triển hoàn thiện các chiến lược sản phẩm mới tại nhà máy Thép Bắc Nam và dự án nhà cao tầng.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;

- Tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp, nhất là đối với công ty con và công ty liên kết; phối hợp thông tin về giá cả, chính sách bán hàng nhằm khai thác nguồn hàng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ;

- Duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống, đồng thời tích cực mở rộng mối quan hệ với nhiều nhà thầu xây dựng có uy tín và năng lực;

- Đẩy mạnh việc kinh doanh thép hình, thép tấm, thép cuộn, mở rộng kinh doanh mặt hàng thép chuyên dùng; Tăng cường và mở rộng tổ chức mạng lưới kinh doanh của toàn tập đoàn trong đó tập trung triển khai mạng lưới cho Nhà máy thép Bắc Nam.

#### \* Về công tác quản lý:

- Tăng cường vai trò quản lý từ công ty mẹ, hoạch định công việc và nhiệm vụ cụ thể cho Ban điều hành và các bộ phận phòng ban, chuẩn hoá cơ cấu hoạt động cho từng đơn vị cơ sở, tạo tiền đề tốt nhất cho việc tăng trưởng theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ, cụ thể như tổ chức thanh tra các hoạt động từ công ty cho đến đơn vị cơ sở, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hay sự phân cấp từ Hội đồng quản trị. Chỉ đạo chấn chỉnh kịp thời các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt là trong công tác quản lý, hoạt động đầu tư, và sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận và xử lý các báo cáo và kế hoạch nội bộ. Tổ chức các cuộc họp bất thường, có thể qua các phương tiện như điện thoại, Internet, Fax... để xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, xây dựng và bồi xung thêm các quy chế đầu tư, quy chế quản lý mới phù hợp với các giai đoạn hoạt động của Công ty.

- Tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý bán nợ và kiểm soát chặt chẽ đối với từng khoản nợ, không chế nợ khó đòi phát sinh mới; tích cực đôn đốc và thu hồi nợ quá hạn; rà soát và xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi;

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí lưu thông (đặc biệt là chi phí bán hàng) và quản lý tốt việc sử dụng vốn để hạn chế chi phí lãi vay; triển khai tích cực chương trình mục tiêu tiết kiệm chống lãng phí nhằm tăng hiệu quả kinh doanh;

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra các mặt hoạt động của các đơn vị, kiên quyết xử lý các cá nhân/dơn vị vi phạm Quy chế quản lý của Công ty; thực hiện triệt để các quy định của Công ty đã ban hành;

- Rà soát, điều chỉnh Quy chế quản lý hiện hành cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và của thị trường.

**\* Về công tác tổ chức và lao động:**

Tăng cường và củng cố nguồn nhân lực của các đơn vị còn thiếu, yếu; tiếp tục đổi mới chất lượng lao động, xử lý, sắp xếp những lao động làm việc không hiệu quả; tiếp tục tuyển dụng thêm lao động có kinh nghiệm, năng lực, có trách nhiệm; đào tạo cán bộ để bổ sung khi mạng lưới kinh doanh được mở rộng.

**7.2 Kế hoạch lao động - tiền lương:**

Thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT Công ty.

**7.3 Kế hoạch các dự án đầu tư:**

STT	Tên dự án	Diện tích khu đất	Quy mô dự án			Ghi chú
			Tầng cao Trung bình	Diện tích xây dựng	Tổng giá trị đầu tư ( Tỷ đồng )	
I	Các dự án đã triển khai năm 2011 chuyển tiếp sang năm 2012					
1	Cao ốc VP G4A Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa	618M2	10	5.945M2	32,00	
2	Nhà xưởng – Văn phòng Lô 3-5 đường 3, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, HCM  Dây chuyền máy chính phẳng cắt ngang 3.2->3.5mm x 1850mm	10.228M2  2 Line	3	11.980M2	26,00  20,00	
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>78,00</b>	

## **7/ Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2011:**

Trong nhiệm kỳ qua, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản hàng năm được giao, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

- Về công tác kinh doanh: tình hình thị trường trong nước và thế giới có nhiều biến động khó dự đoán, giá cả tăng giảm thất thường, Nhà nước áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát, tỷ giá USD biến động mạnh... nhưng Công ty đã nhận định, phân tích và dự báo kịp thời những thông tin, diễn biến của thị trường, từ đó nắm bắt được cơ hội kinh doanh và đề ra những biện pháp, giải pháp kinh doanh trong từng năm có hiệu quả;

- Về công tác đầu tư: Triển khai thực hiện mua được khu đất có vị trí địa lý tốt, phối hợp với nhu cầu phát triển của công ty trước mắt cũng như lâu dài, góp phần làm tăng giá trị tài sản của tập đoàn .

- Về công tác quản lý: từng bước được nâng cao, thông qua các biện pháp quản lý chi phí, tạo điều kiện cho công tác tổ chức kinh doanh có hiệu quả, vừa kiểm tra, giám sát chặt chẽ vật tư, hàng hóa, tiền và công nợ vì vậy chưa để xảy ra thất thoát vốn;

- Các mặt công tác khác: có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV trong Công ty luôn được cải thiện.

### **Những mặt tồn tại và hạn chế trong nhiệm kỳ qua:**

- Triển khai , bố trí vốn chưa kịp thời một số dự án đầu tư theo Nghị quyết của HĐQT;

## **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

## Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Tiền Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty** là: Sản xuất sắt, thép, gang: Sản xuất sắt, thép (không sản xuất tại trụ sở). Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý, môi giới. Bốc xếp hàng hoá. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng. Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Gia công cơ khí. Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa máy nông nghiệp; Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp; Sản xuất máy nông nghiệp (không kinh doanh tại trụ sở). Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Nhà hàng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh trung tâm thương mại; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (Gỗ rừng trồng). Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn gỗ cây và gỗ chế biến; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Hội đồng quản trị

- |                        |               |
|------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Mạnh Hà   | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Quang | Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Nguyễn Anh Hùng  | Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Đào Đức Toàn     | Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Phạm Công Thìn   | Ủy viên HĐQT  |

#### Ban kiểm soát

- |                          |                          |
|--------------------------|--------------------------|
| - Bà Trương Thị Thu Hiền | Trưởng Ban kiểm soát     |
| - Bà Lê Thị Hồng Liễu    | Thành viên ban kiểm soát |
| - Bà Cao Thị Hoài Thu    | Thành viên ban kiểm soát |

#### Ban tổng giám đốc

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| - Bà Phạm Thị Hồng     | Tổng giám đốc     |
| - Ông Nguyễn Văn Quang | Phó tổng giám đốc |
| - Ông Dương Quang Bình | Phó tổng giám đốc |
| - Bà Đào Thị Kim Loan  | Kế toán trưởng    |

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên  
Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

#### Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Biên Hòa, ngày 02 tháng 03 năm 2012  
TM. Ban Giám đốc  
Tổng giám đốc



Số: 156/BCKT/TC

## Báo cáo kiểm toán hợp nhất

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên

**Kính gửi:** - Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên  
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 29 tháng 02 năm 2012 của *Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên* từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến:*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cẩn thiết, các bảng chứng minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên** tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2012

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn  
Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Kiểm toán viên

Tạ Quang Tạo  
Sinh ngày 10/10/1955  
Huy hiệu KTV D0055/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.135.172.826.893</b>	<b>1.417.370.233.294</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	76.552.184.990	27.315.149.028
1. Tiền	111		76.552.184.990	27.315.149.028
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	55.520.256.000	201.702.270.300
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2.1	219.917.395.400	274.654.204.717
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	2.2	(164.397.139.400)	(72.951.934.417)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	150.804.833.810	110.040.767.229
1. Phái thu khách hàng	131	3.1	117.668.010.578	81.392.148.890
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	22.148.492.189	19.198.210.948
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	10.988.331.043	9.450.407.391
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	807.929.075.210	1.029.611.571.290
1. Hàng tồn kho	141		828.679.088.556	1.029.611.571.290
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(20.750.013.346)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	44.366.476.883	48.700.475.447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	1.861.498.552	4.519.693.548
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	6.196.972.464	17.690.183.817
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	9.088.674	5.326.318.248
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	36.298.917.193	21.164.279.834
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260+269)</b>	<b>200</b>		<b>365.356.333.212</b>	<b>356.152.848.922</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		171.023.671.200	196.864.605.887
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	74.572.768.140	78.474.735.430
- Nguyên giá	222		149.526.151.965	143.664.820.651
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(74.953.383.825)	(65.190.085.221)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	77.564.181.571	112.994.650.033
- Nguyên giá	228		78.551.008.057	114.711.698.457
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(986.826.486)	(1.717.048.424)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	18.886.721.489	5.395.220.424
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		157.615.000.000	157.615.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	157.615.000.000	157.615.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	10	36.717.662.012	1.673.243.035
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.1	35.742.135.160	1.238.381.768
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10.2	974.926.852	434.261.267
3. Tài sản dài hạn khác	268	10.3	600.000	600.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.500.529.160.105</b>	<b>1.773.523.082.217</b>

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên  
 Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>748.763.148.362</b>	<b>958.597.732.374</b>
I. Nợ ngắn hạn	<b>310</b>	<b>11</b>	<b>740.132.622.835</b>	<b>942.718.366.847</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11.1	419.451.910.687	652.762.922.505
2. Phải trả người bán	312	11.2	134.416.151.973	55.400.218.708
3. Người mua trả tiền trước	313	11.3	19.580.503.342	38.418.381.911
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11.4	12.608.734.714	4.974.544.418
5. Phải trả người lao động	315	11.5	2.170.900.887	2.626.851.314
6. Chi phí phải trả	316	11.6	382.518.768	147.370.971
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11.7	145.845.136.117	169.104.150.012
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	11.8	5.676.766.347	19.283.927.008
II. Nợ dài hạn	<b>330</b>		<b>8.630.525.527</b>	<b>15.879.365.527</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		173.551.287	173.551.287
4. Vay và nợ dài hạn	334		8.456.974.240	15.705.814.240
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>736.392.795.711</b>	<b>802.450.111.044</b>
I. Vốn chủ sở hữu	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>736.392.795.711</b>	<b>802.450.111.044</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		577.068.140.000	577.068.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		94.483.344.537	94.483.344.537
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(36.442.747.244)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(360.483.058)	(569.790.549)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.991.726.141	5.991.726.141
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		45.555.206.481	37.961.423.246
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		50.097.608.854	87.515.267.669
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỆU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>15.373.216.032</b>	<b>12.475.238.799</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.500.529.160.105</b>	<b>1.773.523.082.217</b>

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên  
Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		600,053.79	
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			119,285.78

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Ngoài thuê không lưu

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng  
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tổng Giám đốc  
nham Thị Hồng

YNG  
viêm  
VU TÍ  
NH K  
IEM 1  
LÀ N  
H

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T.Minh	Năm nay		Năm trước
			4	5	
1	2	3			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	2.963.970.508.091	3.001.535.351.346	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	2.109.920.273	86.848.021	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	2.961.860.587.818	3.001.448.503.325	
4. Giá vốn hàng bán	11	16	2.673.861.957.950	2.741.075.787.731	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		287.998.629.868	260.372.715.594	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	22.078.265.361	26.720.470.841	
7. Chi phí tài chính	22	18	222.961.895.104	173.802.717.785	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		74.913.289.128	75.693.823.760	
8. Chi phí bán hàng	24		24.798.592.982	21.363.396.853	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.920.346.749	17.449.349.037	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		32.396.060.394	74.477.722.760	
11. Thu nhập khác	31	19	6.312.477.180	4.067.180.238	
12. Chi phí khác	32	20	2.271.843.961	5.011.685.990	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.040.633.219	(944.505.752)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.436.693.613	73.533.217.001	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	9.584.143.029	16.296.459.027	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(622.204.290)	(81.538.705)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.474.754.874	57.318.296.686	
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.157.488.338	1.347.899.148	
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		25.317.266.536	55.970.397.538	
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		480	1.020	

Người lập biểu  
 (Ký, họ tên)

Ngô Thị Hồng Lan

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

Kế Toán-Trưởng  
 ĐÀO THỊ KIM LOAN

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



Tổng Giám đốc  
 Phạm Thị Hồng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1		<b>36.436.693.613</b>	<b>73.533.217.008</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ	2		13.340.540.273	12.862.442.731
- Các khoản dự phòng	3		112.195.218.329	58.059.335.417
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		866.944.542	(99.134.650)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(15.208.367.663)	(13.571.119.878)
- Chi phí lãi vay	6		74.913.289.128	75.693.823.760
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		<b>222.544.318.222</b>	<b>206.478.564.388</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(17.853.807.434)	575.795.672.428
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		200.932.482.734	(470.715.500.594)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.571.368.645	(35.445.066.058)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.824.150.766	(3.606.792.064)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(71.235.300.701)	(73.456.797.942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.336.549.674)	(40.586.288.939)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		675.597.791.848	423.252.496.312
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(662.151.168.624)	(482.629.217.984)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<b>367.893.285.782</b>	<b>99.087.069.548</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.938.264.050)	(47.056.712.139)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		351.941.580	153.747.811
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.766.488.582)	(163.702.379.688)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.136.634.000	152.147.420.588
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(190.015.000.000)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.Tiền thu lãi cho vay, cò tức và lợi nhuận được chia	27		13.629.428.529	9.314.931.520
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<b>19.413.251.477</b>	<b>(239.157.991.908)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			15.106.905.000
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(36.442.747.244)	

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.688.276.118.338	1.821.802.031.792
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.924.291.919.122)	(1.607.530.642.306)
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cố tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(65.553.543.818)	(91.141.878.771)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(338.012.091.846)	138.236.415.715
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (<math>50 = 20+30+40</math>)</i>	50		49.294.445.413	(1.834.506.645)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		27.315.149.028	29.110.715.692
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(57.409.451)	38.939.980
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (<math>70 = 50+60+61</math>)</i>	70		76.552.184.990	27.315.149.028

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Lan

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng  
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan Thị Hồng

ATM  
C1  
TRẠCH  
DỊCH  
AI CH  
VAI  
PI  
77

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

### I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên được chuyển đổi từ công ty TNHH Tiền Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiền Lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 577.068.140.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy tỷ không trăm sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng).

#### 2. Linh vực kinh doanh:

Sản xuất sắt, thép, gang: Sản xuất sắt, thép (không sản xuất tại trụ sở). Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý, môi giới. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng. Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Gia công cơ khí. Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa máy nông nghiệp; Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp; Sản xuất máy nông nghiệp (không kinh doanh tại trụ sở). Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Nhà hàng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh trung tâm thương mại; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không kinh doanh tại trụ sở). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (Gỗ rừng trồng). Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gỗ cây và gỗ chế biến; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

#### 3. Các công ty con

##### 3.1 Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02

##### 3.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất

###### a. Công Ty TNHH Thép Tây Nguyên

Địa chỉ : Lô 12-14, Đường số 1 Khu Công Nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A Quận Bình Tân

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 97,35 %

Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 97,35 %

###### b. Công Ty TNHH SX Thương Mại Đại Phúc

Địa chỉ : Lô 8 Song Hành, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp.HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 95,83 %

Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 95,83 %

4. **Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**
5. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
6. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## II Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### 3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất :

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt nam (VND) phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam. Số liệu để lập báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con .

### 4. Các giao dịch bị loại khỏi báo cáo khi hợp nhất :

- Các số dư giữa các khoản phải thu, phải trả giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty bị loại bỏ ;
- Doanh thu bán hàng, giá vốn cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trong cùng công ty ;
- Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con và phần vốn của công ty mẹ tại công ty con.

## III Các chính sách kế toán áp dụng:

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo quy định hiện hành.

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

#### 2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên**  
Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo ngày.

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Không phát sinh.

**4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.

**5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

**5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

**6. Hợp đồng thuê tài chính:** Không phát sinh.

**7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** Không phát sinh.

**8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

**8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:  
Không phát sinh**

**8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:**

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:**

**9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:**

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:**

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

**10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

**10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối quý là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**11. Kế toán các hoạt động liên doanh:**

**11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:**

## Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

### **11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

### **12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
  - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiêu chور xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh**

#### **14. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tái, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

### **15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh**

### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh**

### **17. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

#### **17.1 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**17.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

**18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

**18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

- 1.1-Tiền mặt
- 1.2-Tiền gửi ngân hàng
- 1.3-Tiền đang chuyển

Cộng tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND	
Số cuối năm	Số đầu năm
3.779.254.468	1.708.438.364
72.492.447.150	25.606.710.664
280.483.372	
<b>76.552.184.990</b>	<b>27.315.149.028</b>

### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

- 2.1- Đầu tư ngắn hạn (cô phiếu)
- 2.2- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Số cuối năm	Số đầu năm
219.917.395.400	274.654.204.717
(164.397.139.400)	(72.951.934.417)
<b>55.520.256.000</b>	<b>201.702.270.300</b>

### 3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

- 3.1-Phải thu khách hàng
- 3.2-Trả trước cho người bán
- 3.3-Các khoản phải thu khác

Cộng các khoản phải thu ngắn hạn

Số cuối năm	Số đầu năm
117.668.010.578	81.392.148.890
22.148.492.189	19.198.210.948
10.988.331.043	9.450.407.391
<b>150.804.833.810</b>	<b>110.040.767.229</b>

### 4. HÀNG TỒN KHO

- 4.1-Giá gốc hàng tồn kho
  - Hàng mua đang đi đường
  - Nguyên liệu, vật liệu
  - Công cụ, dụng cụ
  - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
  - Thành phẩm
  - Hàng hóa
- 4.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (\*)

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho

Số cuối năm	Số đầu năm
828.679.088.556	1.029.611.571.290
6.127.162.247	5.306.978.205
171.063.242.175	303.618.547.662
463.318.223	83.746.983
16.591.816.325	11.650.284.573
67.562.482.297	16.123.107.045
566.871.067.289	692.828.906.822
<b>(20.750.013.346)</b>	
<b>807.929.075.210</b>	<b>1.029.611.571.290</b>

### 5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

- 5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn
- 5.2- Thuế GTGT được khấu trừ
- 5.3- Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Số cuối năm	Số đầu năm
1.861.498.552	4.519.693.548
6.196.972.464	17.690.183.817
9.088.674	5.326.318.248

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

<b>5.4-Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>36.298.917.193</b>	<b>21.164.279.834</b>
* Tài sản thiếu chờ xử lý	3.253.882.258	
* Ký quỹ	32.443.851.206	18.213.277.885
Ký quỹ ngắn hạn USD - Ngân hàng Incombank KCN Biên Hòa	4.596.307.836	5.599.422.980
Ký quỹ ngắn hạn USD - Ngân hàng TMCP Quân Đội		785.792.539
Ký quỹ ngắn hạn USD - Ngân hàng Sacombank Đồng Nai	12.201.746.178	121.116.334
Ký quỹ ngắn hạn USD SHB CN Đồng Nai	1.738.658.956	
Ký quỹ ngắn hạn USD_Maritime Bank - CN Đồng Nai	1.615.628	
Ký quỹ ngắn hạn USD_Indovinabank - Tân Bình	284.031.436	
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn VND		6.818.655.923
Ngân hàng Công Thương Biên Hòa		3.937.856.000
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Phú (270,096.00 USD)	5.625.559.488	
Ký quỹ mở LC nhập khẩu - Ngân hàng TNHH Indovina CN Tân Bình		950.434.109
Ký quỹ mở LC nhập khẩu - NH Sacombank CN Gò Vấp (383,903.00 USD)	7.995.931.684	
<b>*Tạm ứng</b>	<b>601.183.729</b>	<b>2.951.001.949</b>
<b>Cộng tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>44.366.476.883</b>	<b>48.700.475.447</b>

## 6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÒ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phuơng tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	30.404.206.275	83.609.585.201	28.095.216.109	1.255.642.563	300.170.503	143.664.820.651
2 Số tăng trong năm	912.050.000	3.939.223.031	5.154.510.386	213.314.637		10.219.098.054
Bao gồm:						
- Mua trong năm		2.778.442.600	5.154.510.386	213.314.637		8.146.267.623
- Đầu tư XDCB hoàn thành		1.160.780.431				2.072.830.431
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	748.198.740		3.609.568.000			4.357.766.740
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư			3.609.568.000			3.609.568.000
- Thanh lý, nhượng bán						748.198.740
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	30.568.057.535	87.548.808.232	29.640.158.495	1.468.957.200	300.170.503	149.526.151.965
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	12.428.319.642	39.330.293.518	12.383.187.802	891.193.715	157.090.544	65.190.085.221
2 Tăng trong năm	1.413.305.178	6.857.716.565	3.703.221.688	272.025.018	44.645.120	12.290.913.569
- Khấu hao trong năm	1.413.305.178	6.857.716.565	3.703.221.688	272.025.018	44.645.120	12.290.913.569
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm	672.698.074		1.854.916.891			2.527.614.965
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						1.854.916.891
- Thanh lý, nhượng bán						672.698.074
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	13.168.926.746	46.188.010.083	14.231.492.599	1.163.218.733	201.735.664	74.953.383.825
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	17.975.886.633	44.279.291.683	15.712.028.307	364.448.848	143.079.959	78.474.735.430
2 Tại ngày cuối năm	17.399.130.789	41.360.798.149	15.408.665.896	305.738.467	98.434.839	74.572.768.140

## 7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SĐ Đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, hàng sáng chế	TSCDVH khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	114.668.698.457	28.000.000		15.000.000	114.711.698.457
2 Số tăng trong năm		83.500.000			83.500.000
Bao gồm:					
- Mua trong năm		83.500.000			83.500.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm	36.244.190.400				36.244.190.400
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	36.244.190.400				36.244.190.400
4 Số dư cuối năm	78.424.508.057	111.500.000		15.000.000	78.551.008.057
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm		14.000.003			
2 Tăng trong năm	1.699.715.085	11.652.781		3.333.336	1.717.048.424
- Khâu hao trong năm	1.032.973.920	1.032.973.920		5.000.004	1.049.626.704
- Tăng khác		11.652.781		5.000.004	1.049.626.704
3 Giảm trong năm	1.779.848.642				1.779.848.642
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	1.779.848.642				1.779.848.642
4 Số dư cuối năm	952.840.362	25.652.784		8.333.340	986.826.486
III. Giá trị còn lại					
1 Tài ngày đầu năm	112.968.983.372	13.999.997			112.994.650.033
2 Tài ngày cuối năm	77.471.667.695	85.847.216			77.564.181.571

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

### CHI PHÍ XDCB DỞ DANG

Tổng số chi phí XD cơ bản dở dang

Trong đó :

Lô đất 9D2 đường C (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

Sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí xây dựng nhà xưởng

Chi phí XDCB dở dang khác

**Cộng chi phí XDCB dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng số chi phí XD cơ bản dở dang	18.886.721.489	5.395.220.424
Lô đất 9D2 đường C (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	3.350.517.946	3.350.517.946
Sửa chữa lớn tài sản cố định	89.760.652	355.713.409
Chi phí xây dựng nhà xưởng	489.054.302	466.971.320
Chi phí XDCB dở dang khác	14.957.388.589	1.222.017.749
<b>Cộng chi phí XDCB dở dang</b>	<b>18.886.721.489</b>	<b>5.395.220.424</b>

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty CP Thép Bắc Nam

**Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	157.615.000.000	157.615.000.000
Công ty CP Thép Bắc Nam	157.615.000.000	157.615.000.000
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>157.615.000.000</b>	<b>157.615.000.000</b>

### TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

10.1 Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ, vật liệu

Chi phí thuê đất

10.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

10.3-Tài sản dài hạn khác - ký quỹ dài hạn

Công ty Cổ phần Tân Tao (Ký quỹ sử dụng nước)

**Cộng tài sản dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1 Chi phí trả trước dài hạn	35.742.135.160	1.238.381.768
Công cụ, dụng cụ, vật liệu	1.277.793.402	1.238.381.768
Chi phí thuê đất	34.464.341.758	
10.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	974.926.852	434.261.267
10.3-Tài sản dài hạn khác - ký quỹ dài hạn	600.000	600.000
Công ty Cổ phần Tân Tao (Ký quỹ sử dụng nước)	600.000	600.000
<b>Cộng tài sản dài hạn khác</b>	<b>36.717.662.012</b>	<b>1.673.243.035</b>

### NỢ NGÂN HẠN

11.1-Vay và nợ ngắn hạn

Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ngân hàng Vietcombank - CN Biên Hòa (VND)

Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN TPHCM

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Chợ Lớn

Ngân hàng Sacombank - CN Đồng Nai (VND)

Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội (SHB)

Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN-VIB Bank (VND)

Ngân hàng Công Thương KCN (VND)

Ngân hàng VIB - CN Đồng Nai (USD)

Ngân hàng SeaBank - CN Chợ Lớn (USD)

Ngân hàng Công Thương KCN (USD)

Ngân hàng Sài Gòn-Hà Nội (USD)

Ngân hàng Vietcombank KCN Biên Hòa (USD)

Ngân hàng Sacombank - CN Đồng Nai (USD)

Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN TPHCM (USD)

Ngân hàng VID Public (USD)

Ngân hàng Indovina - Tân Bình (USD)

Ngân hàng TMCP Phương Đông-Dồng Nai (USD)

	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1-Vay và nợ ngắn hạn	419.451.910.687	652.762.922.505
Ngân hàng TMCP Quân Đội	22.127.131.750	7.390.000.000
Ngân hàng Vietcombank - CN Biên Hòa (VND)	25.600.000.000	16.365.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN TPHCM		17.329.492.722
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Chợ Lớn		23.473.381.000
Ngân hàng Sacombank - CN Đồng Nai (VND)		34.331.902.466
Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội (SHB)	25.652.490.747	61.131.184.881
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN-VIB Bank (VND)		62.233.608.773
Ngân hàng Công Thương KCN (VND)	44.804.465.594	76.694.480.464
Ngân hàng VIB - CN Đồng Nai (USD)		1.969.531.931
Ngân hàng SeaBank - CN Chợ Lớn (USD)		7.589.990.256
Ngân hàng Công Thương KCN (USD)	12.362.918.866	9.230.009.780
Ngân hàng Sài Gòn-Hà Nội (USD)	38.871.992.888	14.025.153.502
Ngân hàng Vietcombank KCN Biên Hòa (USD)		16.674.371.306
Ngân hàng Sacombank - CN Đồng Nai (USD)	22.410.909.255	20.542.700.482
Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN TPHCM (USD)		21.101.121.216
Ngân hàng VID Public (USD)	36.043.260.146	
Ngân hàng Indovina - Tân Bình (USD)	34.825.790.648	
Ngân hàng TMCP Phương Đông-Dồng Nai (USD)	8.081.264.000	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2011

Bà Nguyễn Thị Oanh	700.000.000	
Công ty CP Thép Bắc Nam	25.769.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Chợ Lớn	6.650.480.000	
Vay VND	4.000.000.000	
Vay USD	2.650.480.000	
Ngân hàng Công Thương Biên Hòa	40.260.343.841	72.142.576.566
Vay VND	40.260.343.841	62.631.444.571
Vay USD		9.511.131.995
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tân Phú	16.445.000.000	21.586.000.000
Vay VND	16.445.000.000	21.586.000.000
Vay ngân hàng (VND)	42.917.000.000	141.691.994.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN. Tây Sài Gòn	28.000.000.000	119.975.994.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN. Gò Vấp	3.917.000.000	15.716.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN. Phú Lâm	11.000.000.000	6.000.000.000
Vay ngân hàng (USD)	22.580.342.952	20.609.943.160
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN. Gò Vấp (# 1,084,134.00 USD)	22.580.342.952	16.159.749.376
Ngân hàng Indovina - CN. Tân Bình		4.450.193.784
11.2-Phải trả người bán	134.416.151.973	55.400.218.708
11.3-Người mua trả tiền trước	19.580.503.342	38.418.381.911
11.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.608.734.714	4.974.544.418
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.873.219.755	17.674.660
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.284.124.406	1.194.110
- Thuế xuất, nhập khẩu	8.095.587	812.550.829
- Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp	7.784.175.671	3.536.582.316
- Thuế Thu nhập Cá nhân	1.659.119.295	95.236.613
- Thuế khác		512.500.000
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
11.5-Phải trả người lao động	2.170.900.887	2.626.851.314
11.6-Chi phí phải trả	382.518.768	147.370.971
11.7-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	145.845.136.117	169.104.150.012
- Phải trả khác	142.998.790.903	168.809.948.985
- Kinh phí công đoàn	292.789.808	257.776.132
- Bảo hiểm xã hội	68.438.166	36.424.895
- Bảo hiểm y tế	8.606.400	
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.810.800	
- Lợi nhuận phải trả cho bà Phạm Thị Hồng	2.472.700.040	
11.8- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.676.766.347	19.283.927.008
<b>Cộng nợ ngắn hạn</b>	<b>740.132.622.835</b>	<b>942.718.366.847</b>

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn CP	Vốn khác	Cổ phiếu quý	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	<b>540.000.000.000</b>	<b>89.897.709.537</b>	<b>24.703.382.190</b>	<b>4</b>	<b>(2.187.843.653)</b>	<b>107.717.289.951</b>	<b>760.130.538.025</b>
Tăng vốn trong năm trước	37.068.140.000						37.068.140.000
Lãi trong năm trước	4.585.635.000	19.249.767.197				55.970.397.538	55.970.397.538
Tăng khác							25.453.455.301
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác							
Số dư cuối năm trước	577.068.140.000	94.483.344.537	43.953.149.387		(569.790.549)	87.515.267.669	802.450.111.044
Số dư đầu năm nay							
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay		10.830.747.277	(36.442.747.244)	2.098.777.571		25.317.266.536	25.317.266.536
Tăng khác							(17.421.027.732)
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	<b>577.068.140.000</b>	<b>94.483.344.537</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>(36.442.747.244)</b>	<b>1.889.470.079</b>	<b>68.827.120.015</b>	<b>73.953.554.136</b>
						<b>50.097.608.854</b>	<b>736.392.795.711</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2011

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn góp của nhà nước
  - Vốn góp của các đối tượng khác
- Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
100%	577.068.140.000	577.068.140.000
<b>100%</b>	<b>577.068.140.000</b>	<b>577.068.140.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân  
phối cổ tức, chia lợi nhuận****Vốn đầu tư của chủ SH**

- Vốn góp đầu năm
- Vốn góp tăng trong năm
- Vốn góp giảm trong năm
- Vốn góp cuối năm

Số năm nay	Số năm trước
577.068.140.000	540.000.000.000
	37.068.140.000
<b>577.068.140.000</b>	<b>577.068.140.000</b>

**d) Cổ tức**

- + Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

Số cuối năm	Số đầu năm
66.000.000	66.000.000
57.706.814	57.706.814
57.706.814	57.706.814
<b>4.950.930</b>	
4.950.930	
<b>52.755.884</b>	<b>57.706.814</b>
52.755.884	57.706.814
<b>51.546.932.622</b>	<b>43.953.149.387</b>
5.991.726.141	5.991.726.141
45.555.206.481	37.961.423.246

**3. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán hàng
  - Doanh thu bán thành phẩm
  - Doanh thu XD
  - Doanh thu trao đổi dịch vụ
- Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm nay	Năm trước
2.224.263.718.064	2.661.922.322.508
727.174.557.580	318.440.978.641
9.520.940.909	18.186.293.972
3.011.291.538	2.985.756.225
<b>2.963.970.508.091</b>	<b>3.001.535.351.346</b>

**4. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

- Giảm giá hàng bán
  - Hàng bán trả lại
- Cộng các khoản giảm trừ doanh thu**

Năm nay	Năm trước
2.109.920.273	86.848.021
<b>2.109.920.273</b>	<b>86.848.021</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

### 1. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	9.571.730.541	16.296.459.02
	12.412.488	
	9.584.143.029	16.296.459.02

### 2. THỦ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thủ lao của hội đồng quản trị
- Thủ lao của ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
	732.000.000	404.000.000
	143.000.000	128.000.00
<b>Cộng</b>	<b>875.000.000</b>	<b>532.000.00</b>

### 23 THÔNG TIN BÓ

#### 23.1- Giao dịch với các bên có liên quan

Các bên có liên quan	Nội dung liên quan	Giá trị giao dịch
1/Công ty TNHH SX & TM Đại Phúc	Bán hàng hóa, dịch vụ...	868.291.030.66
2/Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Bán hàng hóa, dịch vụ...	707.793.276.54
3/Công ty cổ phần Thép Bắc Nam	Bán hàng hóa, dịch vụ...	284.793.713.12

#### 23.2- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên báo cáo tài chính hợp nhất là số dư cuối năm 2010 trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài Chính Kế Toán và kiểm toán Phía Nam.

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hàng Giám đốc  
Phạm Thị Hồng

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng  
ĐÀO THỊ KIM LOAN

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**1. Kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài khoá 2011.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

### Cơ sở ý kiến :

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên** tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt: không

+ Kiểm toán viên: Lê văn Tuấn - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS). Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

+ Kiểm toán viên: Tạ Quang Tạo (Chứng chỉ kiểm toán viên số D0055/KTV).

### 2. Kiểm toán nội bộ:

## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:

Không;

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

( Xem phần trình bày tại Phần III – Báo cáo của Ban tổng giám đốc )

- **Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty có liên quan:**

### 1. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên:

Tên giao dịch : Tay Nguyen Steel Limited

Tên viết tắt : Tay Nguyen Co., LTD

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 073076 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/08/1999

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sắt thép xây dựng và thép ống. Xây dựng công nghiệp và dân dụng. Mua bán sắt thép, thiết bị, phụ tùng, vật tư, máy móc, kim khí điện máy, thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, hương liệu, công nghệ phẩm. Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Cho thuê kho bãi và nhà xưởng./.

Vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 161 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 156,73 tỷ chiếm 97,35%.

## 2. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đại Phúc:

Tên giao dịch: DAI PHUC TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: DAI PHUC CO., LTD

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102007542 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/11/2001.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và gia công cơ khí, cắt, cán mỏng kim loại, sắt xây dựng. Chế tạo máy công nghiệp. Mua bán sắt thép; thiết bị, máy công nghiệp, máy ô tô. Cho thuê kho bãi. Chế tạo, lắp đặt, mua bán thiết bị nâng hạ. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường.

Vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 120 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 115 tỷ chiếm 95,83%/Vốn điều lệ.

## 3. Công ty cổ phần thép Bắc Nam :

Tên giao dịch: Bac Nam Steel Corporation

Tên viết tắt: BAC NAM STEEL

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600479277 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 12/10/2000;

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán các loại sắt, thép. Vận tải hàng hóa đường bộ. Kinh doanh kho bãi, dịch vụ bốc xếp. Xây dựng công trình, hạng mục công trình, chuẩn bị mặt bằng. Sửa chữa, chế tạo máy công nghiệp. Bổ sung : Mua bán ô tô phụ tùng ô tô. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn ( không kinh doanh tại trụ sở ). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kinh doanh khu thương mại - dịch vụ, khu du lịch sinh thái ( không kinh doanh tại trụ sở ). Đầu tư kinh doanh cảng, bến bãi. Trồng và khai thác rừng trồng. Mua bán, chế biến gỗ ( không chế biến tại trụ sở ). Sản xuất gạch ( không sản xuất tại trụ sở ). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa./.

Vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 345 tỷ đồng trong đó tập đoàn Tiến Lên góp 158 tỷ chiếm 46,00%/Vốn điều lệ.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức của Công ty: gồm có HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, 06 Phòng/Ban nghiệp vụ và 13 đơn vị trực thuộc, trong đó:

a/ Hội đồng quản trị: có 05 thành viên, gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên, do Đại hội cổ đông bầu ra.

b/ Ban kiểm soát: có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Đại hội cổ đông bầu ra.

c/ Ban Tổng Giám đốc: có 03 thành viên, Tổng Giám đốc do HĐQT cử, các Phó Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng Giám đốc và theo Điều lệ Công ty.

d/ Các Phòng/Ban nghiệp vụ:

1. Phòng Hành chính – Nhân sự
2. Phòng Kế toán
3. Phòng Kinh doanh
4. Phòng Đầu tư
5. Phòng Xuất nhập khẩu
6. Phòng pháp chế và kiểm toán nội bộ

e/ Các Chi nhánh/Xí nghiệp:

1. Cửa hàng kinh doanh kim khí số 2
2. Cửa hàng kinh doanh kim khí số 4
3. Xí nghiệp vận tải
4. Trung tâm thiết kế và tư vấn xây dựng

- **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

1. Bà Phạm Thị Hồng - Tổng Giám đốc Công ty:

- Sinh năm: 1968
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

2. Ông Nguyễn Văn Quang - Phó Tổng Giám đốc Công ty:

- Sinh năm: 1961
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

3. Ông Dương Quang Bình - Phó Tổng Giám đốc Công ty:

- Sinh năm: 1964
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân luật

- **Thay đổi Ban tổng giám đốc điều hành trong năm:** Có

Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc công ty cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên đối với ông Nguyễn Anh Hùng kể từ ngày 31/10/2011 để nhận nhiệm vụ mới theo sự phân công của Hội đồng quản trị

**- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:**

+ Tiền lương, thường của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc: 1.373.000 đồng/năm 2011, chiếm 6,75% tổng quỹ tiền lương của toàn tập đoàn.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên đến thời điểm 31/12/2011: 318 người.

+ Chính sách đối với người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước hiện hành như: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, ...

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:** không có.

**VIII. THÔNG TIN CÓ ĐỘNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát**

**1.1 Hội đồng quản trị:** gồm có 05 thành viên:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hà : Chủ tịch HDQT
2. Ông Nguyễn Văn Quang : Uỷ viên HDQT- Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Anh Hùng : Uỷ viên HDQT
4. Ông Đào Đức Toàn : Uỷ viên HDQT
5. Ông Phạm Công Thìn : Uỷ viên HDQT

Hoạt động của HDQT: theo Điều lệ của Công ty.

**1.2 Ban kiểm soát:** gồm có 03 thành viên

1. Bà Trương Thị Thu Hiền : Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Lê Thị Hồng Liễu : Thành viên
3. Bà Cao Thị Hoài Thu : Thành viên

Hoạt động của Ban kiểm soát: theo Điều lệ của Công ty và Quy chế của BKS.

**1.3 Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HDQT và thành viên Ban kiểm soát:**

1.3.1 Thủ lao và chi phí HDQT: 732.000.000 đồng, trong đó: thủ lao HDQT: 732.000.000 đồng; chi phí: Không .

*Trong đó số thủ lao của từng thành viên:*

- |                         |                               |
|-------------------------|-------------------------------|
| - Ông Nguyễn Mạnh Hà    | - Chủ tịch : 477.000.000 đồng |
| - Ông Nguyễn Văn Quang  | - Uỷ viên: 65.000.000 đồng    |
| - Ông Nguyễn Quang Vinh | - Uỷ viên: 15.000.000 đồng    |
| - Ông Nguyễn Anh Hùng   | - Uỷ viên: 65.000.000 đồng    |
| - Ông Đào Đức Toàn      | - Uỷ viên: 65.000.000 đồng    |
| - Ông Phạm Công Thìn    | - Uỷ viên: 45.000.000 đồng    |

1.3.2 Thủ lao và chi phí BKS: 143.000.0000 đồng, trong đó: thủ lao 143.000.0000 đồng; chi phí: Không

*Trong đó số thù lao của từng thành viên:*

- Bà Trương Thị Thu Hiền - Trưởng BKS: 65.000.000 đồng
- Bà Lê Thị Hồng Liễu - Thành viên: 39.000.000 đồng
- Bà Cao Thị Hoài Thu - Thành viên: 39.000.000 đồng

**1.4 Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ năm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:**

1.4.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ 2011
1	Nguyễn Mạnh Hà - Chủ tịch HĐQT	9.347.395	17,72%
2	Nguyễn Văn Quang - Thành viên HĐQT	6.566.849	12,45%
3	Nguyễn Anh Hùng – Thành viên HĐQT	20.000	0,04%
4	Đào Đức Toàn - Thành viên HĐQT	5.250	0,01%
5	Phạm Công Thìn - Thành viên HDQT		0,00%

1.4.2 Thành viên Ban điều hành không tham gia HĐQT :

TT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ 2010
1	Phạm Thị Hồng – Tổng giám đốc	8.292.370	15,72%
2	Dương Quang Bình – Phó Tổng Giám đốc	21.000	0,04%

1.4.3 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ 2009*
1	Trương Thị Thu Hiền – Trưởng Ban	5.250	0,01%
2	Lê Thị Hồng Liễu - Thành viên	15.750	0,03%
3	Cao Thị Hoài Thu - Thành viên	15.750	0,03%

*1.5 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan đến đối tượng nói trên:*

Không có .

*1.6 Thông tin về hợp đồng/giao dịch đã được ký kết với Công ty của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan đến đối tượng nói trên:*

Không có

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:**

**2.1 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước: Không có**

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn: Không

**2.2 Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập:**

a/ Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

+ Tổ chức, cá nhân trong nước : 98,84 %

+ Cá nhân nước ngoài : 1,16 %

b/ Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập/thành viên góp vốn:

**b.1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hà**

- Năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân): 27/12/1962

- Địa chỉ liên lạc: G1A Đồng Khởi, Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai

- Nghề nghiệp : Kinh doanh

- Số lượng/tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong Công ty (cá nhân): 9.347.395 cổ phần; Chiếm 17,720%

- Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp trong năm: Không  
Nguyên nhân :

+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu : CP

+ Mua cổ phiếu của cán bộ chủ chốt : CP

## b.2. Họ và tên: Phạm Thị Hồng

- Năm sinh (*cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân*): 20/10/1968
- Địa chỉ liên lạc: G1A Đồng Khởi, Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
- Nghề nghiệp : Kinh doanh
- Số lượng/tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong Công ty (cá nhân): 8.292.370 cổ phần; Chiếm 15,72% ;
  - Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp trong năm: Không Nguyên nhân :
  - + Chia cổ tức bằng cổ phiếu : CP
  - + Mua cổ phiếu của cán bộ chủ chốt : CP

## b.3. Họ và tên: Nguyễn Văn Quang

- Năm sinh (*cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân*): 27/08/1961
- Địa chỉ liên lạc: 306/1, Kp 1, P. Bình Đa, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
- Nghề nghiệp : Kinh doanh
- Số lượng/tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong Công ty (cá nhân): 6.566.349 cổ phần; Chiếm 12,45% ;
  - Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp trong năm: Không Nguyên nhân :
  - + Chia cổ tức bằng cổ phiếu : CP
  - + Mua cổ phiếu của cán bộ chủ chốt : CP

## 2.3 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Quốc tịch	Địa chỉ	Số ĐKNSH	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
A	Cá nhân					52,755,884
1	WU JUNG FA	Taiwan	City Taichung Hsien Taiwan R.C.O	IA3388	167,480	0.3175%
2	Kang Won Koo	Korea, Rep of	91 Pastuer, Quận 1,	IA5442	148,190	0.2809%
3	CHUNG KING HSIA	Taiwan	3 Sông Thao, Quận Tân Bình TPHCM	IA4880	41,020	0.0778%
4	KAMO ITSURO	Japan	4-43-2-103 Midorigaoa Toyota-shi Aichi Japan	IA4060	27,000	0.0512%

5	Isami Sakaeda	Japan	4-25-5 Arai, Nakano-Ku, Tokyo 165-0026, Japan	I00119	21,600	0.0409%
6	Takahashi Masaaki	Japan	2-21 Terasunoba 602gou, sengokucho, gifu- city, Gifuken 500- 8819, Japan	IA4030	19,150	0.0363%
7	Willem Stuive	Netherlands	Sluispolderweg 11, 1505, HJ Zanndam, NL	IS1412	15,000	0.0284%
8	David Mark Pryor	Bristish Virgin IsI	09-05, Lô B, River Garden, 170 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, Q.2, Tp.HCM	IS9901	14,000	0.0265%
9	Tay Wai Ming	Malaysia	13 Jalan BB17 Taman Bachang Baru.75350 Melaka West Malaysia	IA2361	7,738	0.0147%
10	Chiang Chi Hsueh	Taiwan	No.7 Lane 215, Sec.1 Yuan dong Rd., Yuan lian, Chang hua County, Taiwan	IA2783	3,150	0.0060%
11	LIN HSIANG YIN	Taiwan	No 106, Chung Cheng Rd., Fongshang, Kaohsiung, Taiwan	IA0353	1,600	0.0030%
12	ONG KIAN SOON	Singapore	29 B Clementi Crescent S599542	IA2281	1,520	0.0029%
13	HUANG JING FU	Taiwan	No 13, Lane 24, Zhongxiao Rd, Bangiao, Taipei county 220, Taiwan (R.O.C)	IS4903	1,500	0.0028%

14	ABE YUTAKA	Japan	8-11-605 NISHIHIRANUM ACHO NISHIKU YOKOHAMA KANAGAWA JAPAN	IS5248	1,050	0.0020%
15	Sato Mitsuo	Japan	4-3-11-404 Roppongi, Minato-ku, Tokyo, Japan	IA2154	1,000	0.0019%
16	LIN, CHIU - LI	Taiwan	272 WEMING ST., WUCHI TOWN, TAICHUNG, R.O.C, ID: 135099257	IS5650	630	0.0012%
17	Yutaka Noda	Japan	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	I00338	600	0.0011%
18	Wataru Miyazawa	Japan	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	IS3232	415	0.0008%
19	Fujioka Masanori	Japan	4-1-1-1703, Fukadacho, Nada- ku, Kobesi, 657- 0038 Japan	IA4381	300	0.0006%
20	NOBUYUKI SANO	Japan	KANAGAWA- KEN,YOKOHAM A- SHI,KANAZAW A-KU,OOKAWA 7 RADIANT CITY	IS1734	110	0.0002%
21	Noro Sanae	Japan	1648-17 kamaebicyou, Yokkaichishi, Mieken 512-1201, Japan	IS8114	105	0.0002%

22	Shiratori Jinichi	Japan	4-5-5 Yahata, Suruga-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka 422- 8076, Japan	IA2426	100	0.0002%
23	Kanemitsu Yuji	Japan	Saitamaken Niizashi Sakae 3- 10-17, Japan	IA1187	31	0.0001%
	Cộng				473,289	0.8971%
B	Tổ chức					
1	AIZAWA SECURITIES CO.,LTD	Japan	1-20-3, Nihonbashi, Chuo-Ku, Tokyo, JP 103-0027	CA2521	119,400	0.2263%
2	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	Japan	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	CS9483	13,695	0.0260%
3	IWAI SECURITIES CO., LTD	Japan	1-8-16 Kitahama Chuo-ku Osaka 541-0041 Japan	CA2539	6,730	0.0128%
	Cộng				139,825	0.2650%
	Tổng cộng				613,114	1.1622%

( Nguồn : Trung tâm LKCK chi nhánh TP Hồ Chí Minh )

Nơi nhận:

- Như trên
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM
- Website : tienlengroup.com.vn
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN MẠNH HÀ